

# HIẾN PHÁP VIỆT NAM VỚI VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN BÌNH ĐẲNG NAM NỮ THEO CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ XÓA BỎ MỌI HÌNH THỨC PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỚI PHỤ NỮ (CEDAW)

THS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG \*

Lịch sử lập hiến Việt Nam gắn liền với lịch sử ra đời và phát triển của Nhà nước Việt Nam. So với lịch sử lập hiến nhân loại, con số 60 năm của nền lập hiến Việt Nam quả là khiêm tốn nhưng đã đạt những thành tựu đáng kể trên các lĩnh vực mà trong đó không thể không nói đến những quy định về bình đẳng nam nữ - một biểu hiện của nền dân chủ và nhà nước pháp quyền.

## 1. Bình đẳng nam nữ là nguyên tắc hiến định

Ghi nhận và bảo đảm thực hiện bình đẳng nam nữ là vấn đề luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm, thể hiện trong các chính sách, pháp luật mang tính nhất quán. Ngay từ khi thành lập Đảng (3/2/1930), vấn đề “nam nữ bình quyền” được xác định là một trong 10 nhiệm vụ trọng yếu của cách mạng Việt Nam. Đó cũng là những lo âu, trăn trở của Hồ Chủ Tịch trong suốt cuộc đời phấn đấu, hi sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng phụ nữ. Nhận định về vị trí, vai trò người phụ nữ trong xã hội, Người khẳng định: “Nói phụ nữ là nói phần nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người. Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa”.<sup>(1)</sup>

Cách mạng tháng 8/1945 thành công nên

mong ước của Người và cả dân tộc Việt Nam đã được thực hiện. Đây là cuộc cách mạng chưa từng có trong lịch sử Việt Nam vì đã xoá bỏ ách thống trị hàng ngàn năm của chế độ phong kiến lạc hậu, cổ hủ với những quan niệm trọng nam khinh nữ, phân biệt đối xử với phụ nữ.

Hiến pháp năm 1946 là bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam độc lập, có chủ quyền và cũng là bản Hiến pháp dân chủ nhân dân đầu tiên của khu vực Đông Nam châu Á. Ra đời trong bối cảnh đất nước trải qua thời kì phong kiến kéo dài hàng nghìn năm với các quan niệm và tập tục mang tính thiên kiến giới như thuyết tam tòng, quan niệm nhất nam viết hữu thập nữ viết vô, nam ngoại nữ nội... nhưng Hiến pháp năm 1946 đã thể hiện tính dân chủ, nhân đạo và tiến bộ về bình đẳng giới. Nguyên tắc đoàn kết toàn dân, không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo; bảo đảm các quyền tự do dân chủ là tư tưởng chỉ đạo quá trình xây dựng Hiến pháp.

Trong số 7 chương 70 điều của Hiến pháp đã có 4 điều quy định về bình đẳng. Nhìn từ góc độ lịch sử mới thấy rõ ý nghĩa to

\* Giảng viên Khoa hành chính - nhà nước  
Trường Đại học Luật Hà Nội

lớn trong những quy định về bình đẳng của Hiến pháp năm 1946. Trong xã hội nửa thuộc địa, nửa phong kiến dưới ách thống trị của thực dân và sự phân biệt đẳng cấp nghiêm ngặt của chế độ quân chủ chuyên chế thì sự bình đẳng, quyền bình đẳng là điều không thể có.

Nguyên tắc bình đẳng đã hai lần được Hiến pháp nhắc đến. Điều 6 Hiến pháp năm 1946 quy định: *"Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: Chính trị, kinh tế, văn hoá"*. Và tiếp ngay sau đó Điều 7 quy định: *"Tất cả công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, đều được tham gia chính quyền và công cuộc kiến quốc tùy theo tài năng và đức hạnh của mình"*. Như vậy, lần đầu tiên trong lịch sử Nhà nước Việt Nam các thành viên trong xã hội không phân biệt địa vị xã hội, dân tộc, giới đều được Nhà nước thừa nhận về mặt pháp lí bình đẳng trên các phương diện chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình. Nguyên tắc bình đẳng đã trở thành nguyên tắc hiến định, một trong những nguyên tắc quan trọng nhất trong bản Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam.

Kế thừa và phát huy những giá trị của Hiến pháp năm 1946 về bình đẳng nam nữ, Hiến pháp năm 1959 thể hiện rõ tinh thần bản Hiến pháp thực sự dân chủ - Hiến pháp của nhà nước dân chủ nhân dân dựa trên quan hệ bình đẳng giúp đỡ giữa các dân tộc, các thành viên trong nhà nước nhằm động viên nhân dân cả nước tiến lên giành thắng lợi mới.

Quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công

dân được mở rộng trên cơ sở nguyên tắc *"Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đều bình đẳng trước pháp luật"* (Điều 22). Như vậy, nguyên tắc bình đẳng (trong đó có bình đẳng nam nữ) tiếp tục được xác định là nguyên tắc của chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân. Bình đẳng được thể hiện trên các lĩnh vực như bình đẳng về chính trị (quyền bầu cử, ứng cử; khiếu nại tố cáo), về kinh tế (quyền làm việc, nghỉ ngơi; quyền sở hữu...), về xã hội (quyền học tập, quyền bình đẳng nam nữ...).

Hiến pháp năm 1980 là bản hiến pháp của thời kì quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội trong phạm vi cả nước. Tư tưởng bao trùm của Hiến pháp là phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, xây dựng chế độ làm chủ tập thể và con người mới xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ nghèo nàn, lạc hậu. Hiến pháp bổ sung, mở rộng quyền cơ bản công dân theo nguyên tắc *"mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người"* đồng thời *"Nhà nước bảo đảm các quyền công dân"*. Quyền công dân được ghi nhận trên cơ sở nguyên tắc *"mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật"* (mà ở đó phụ nữ và nam giới có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình) và được đặt trong mối quan hệ với nguyên tắc *"Nhà nước bảo đảm thực hiện các quyền công dân"*.

Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam đề xướng đã đạt những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Hiến pháp năm 1992 ra đời đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới.

Mối quan hệ pháp lí cơ bản giữa Nhà nước và cá nhân trong xã hội được điều chỉnh theo hướng mở rộng quyền công dân nhưng chú trọng tính khả thi của nó. Điều đặc biệt đáng lưu ý ở Hiến pháp này là nguyên tắc: “*Các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội được tôn trọng*” (Điều 50) và chính thức được ghi nhận là nguyên tắc của chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân. Như vậy, nguyên tắc bình đẳng nam nữ được ghi nhận và đảm bảo thực hiện trong mối quan hệ với nguyên tắc tôn trọng quyền con người. Điều này phù hợp với bản chất nhà nước, xu hướng hội nhập và mục tiêu xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam.

## 2. Bình đẳng nam nữ là quyền cơ bản của công dân

Ở Việt Nam, Nhà nước đặc biệt chú trọng vấn đề bình đẳng nam nữ và được ghi nhận là quyền cơ bản của công dân. Bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam - Hiến pháp năm 1946 đã trịnh trọng tuyên bố “*Đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện*” (Điều 9). Đây là điều không thể có được trong suốt chiều dài lịch sử Nhà nước phong kiến Việt Nam. Sau hàng ngàn năm phải sống theo lễ giáo phong kiến hà khắc không có địa vị gì trong gia đình, dòng họ, xã hội và đời sống chính trị của đất nước, vị trí, vai trò của người phụ nữ Việt Nam đã được Nhà nước và xã hội thừa nhận. Nguyên tắc bình đẳng nam nữ được khẳng định đã trở thành hiện thực. Vì vậy, có thể nói rằng quyền bình đẳng nam nữ là một trong những giá trị bất hủ của Hiến pháp năm 1946.

Trong lĩnh vực chính trị, bình đẳng nam nữ được cụ thể hoá ở Điều 18 Hiến pháp năm 1946: “*Tất cả công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên không phân biệt gái trai đều có quyền bầu cử... Người ứng cử phải là người có quyền bầu cử...*”. Tham gia bầu cử, ứng cử phụ nữ Việt Nam tự khẳng định chỗ đứng của mình trong đời sống chính trị đất nước, tạo cơ hội để phụ nữ tham gia kháng chiến kiến quốc, quyết định những vấn đề liên quan đến vận mệnh quốc gia. Nhận xét về vấn đề này, trong buổi kết thúc cuộc họp của Quốc hội khoá I, Hồ Chủ Tịch khẳng định: “*Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam có đủ mọi quyền tự do. Hiến pháp đó tuyên bố với thế giới: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của công dân*”.<sup>(2)</sup>

Hiến pháp năm 1959 thể hiện bước phát triển mới trong quy định về quyền bình đẳng nam nữ. Điều 24 Hiến pháp quy định: “*Phụ nữ nước Việt Nam dân chủ cộng hoà có quyền bình đẳng với nam giới về các mặt sinh hoạt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình. Cùng việc làm như nhau phụ nữ được hưởng lương ngang với nam giới... Nhà nước bảo hộ quyền của người mẹ...*”. Như vậy, quyền bình đẳng nam nữ được cụ thể hoá trong các lĩnh vực mà trong đó bình đẳng trong việc làm, thu nhập được chú trọng. Không những vậy, Hiến pháp còn ghi nhận những bảo đảm vật chất từ phía Nhà nước để phụ nữ thực hiện quyền của mình như chế độ nghỉ sau khi sinh con, quyền lợi của người mẹ và trẻ em, phát triển nhà trẻ,

nhà đỡ đần, quyền được bảo hộ về hôn nhân và gia đình theo các nguyên tắc hôn nhân tiến bộ. Đây là những quy định pháp lí cơ bản tạo tiền đề cho sự ra đời các văn bản pháp luật về lao động, bảo hiểm, hôn nhân và gia đình...

Với quan điểm "*Quyền và nghĩa vụ công dân thể hiện chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, kết hợp hài hoà yêu cầu cuộc sống với tự do chân chính của cá nhân... theo nguyên tắc mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người*" (Điều 54), Hiến pháp năm 1980 mở rộng quyền công dân trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá... Trên tinh thần đó quyền bình đẳng nam nữ được bổ sung, hoàn thiện "*Phụ nữ và nam giới có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình. Nhà nước và xã hội chăm lo nâng cao trình độ chính trị, văn hoá... của phụ nữ, không ngừng phát huy vai trò của phụ nữ trong xã hội*" (Điều 63). Như vậy, phụ nữ không những có quyền ngang nhau với nam giới về mọi mặt mà để phụ nữ thực hiện quyền đó Nhà nước và xã hội có chính sách ưu tiên, tạo điều kiện phụ nữ nâng cao trình độ mọi mặt và không ngừng phát huy vai trò của mình trong xã hội như quyền hưởng chế độ phụ cấp sinh đẻ đối với nữ cán bộ viên chức, nữ xã viên hợp tác xã (đối tượng hưởng quyền này được mở rộng), phát triển nhà ăn công cộng và những cơ sở phúc lợi xã hội khác.

Để bảo hộ hôn nhân và gia đình - cũng chính là bảo vệ quyền bình đẳng của phụ nữ với nam giới trong lĩnh vực hôn nhân và gia

đình, Hiến pháp năm 1980 đã dành một điều quy định về vấn đề này. Nguyên tắc hôn nhân tự nguyện tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng trở thành nguyên tắc hiến pháp nhằm bảo vệ trước hết quyền lợi phụ nữ, trẻ em. Nhà nước nghiêm cấm và không thừa nhận sự phân biệt đối xử giữa các con và quy định trách nhiệm của cha mẹ cùng chia sẻ trong việc nuôi dạy con cái (Điều 64).

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đánh dấu bước phát triển quan trọng của cách mạng Việt Nam, mở ra thời kì mới cho sự phát triển đất nước và quá trình hội nhập quốc tế. Tư tưởng đổi mới của Đảng được cụ thể hoá trong Hiến pháp năm 1992 - Hiến pháp của thời kì đổi mới.

Trên tinh thần đổi mới, chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân được điều chỉnh cho phù hợp với tinh thần Nghị quyết Đại hội VI và các văn bản pháp luật quốc tế. Hiến pháp thừa nhận việc tôn trọng quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá và xã hội trở thành nguyên tắc Hiến pháp (Điều 50).

Bình đẳng nam nữ là quyền cơ bản công dân nhưng được mở rộng về phạm vi và nội dung. Với tư cách là công dân của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phụ nữ và nam giới đều bình đẳng trước pháp luật. Điều 63 Hiến pháp bổ sung thuật ngữ "công dân", khi quy định quyền này công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và gia đình. Nhà nước và xã hội có trách nhiệm không chỉ chăm lo mà còn phải tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao

trình độ mọi mặt vì bình đẳng nam nữ chỉ có thể thực hiện khi bản thân người phụ nữ tự khẳng định chỗ đứng của mình trong xã hội bởi chính tri thức, trình độ hiểu biết của mình. Từ nhận thức đó, Hiến pháp bổ sung quy định về trách nhiệm của Nhà nước và xã hội trong việc bảo đảm thực hiện nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ.

Trên nguyên tắc tôn trọng quyền con người trong đó bao trùm quyền con người của phụ nữ, phù hợp với tinh thần của CEDAW mà Việt Nam tham gia kí kết, Hiến pháp năm 1992 quan tâm đến vấn đề mang tính sống còn của phụ nữ đó là quyền sinh con, quyền làm mẹ. Chức năng, bổn phận làm mẹ của phụ nữ phải được Nhà nước và xã hội tôn trọng. Vì vậy, bên cạnh các chính sách của Nhà nước như: Chăm lo phát triển nhà hộ sinh, khoa nhi, nhà trẻ và cơ sở phúc lợi xã hội khác... để giảm nhẹ gánh nặng gia đình của phụ nữ thì quyền được Nhà nước công nhận và tạo điều kiện để phụ nữ làm tròn bổn phận người mẹ chính thức được ghi nhận trong Hiến pháp.

Làm mẹ là thiên chức, chức năng xã hội của phụ nữ để duy trì giống nòi, sự tồn vong của loài người. Lời nói đầu của CEDAW tuyên bố rằng vai trò của phụ nữ trong việc sinh đẻ không thể là nền tảng của sự phân biệt đối xử. Mỗi ràng buộc giữa phân biệt đối xử và vai trò sinh sản của phụ nữ còn được Công ước nhắc đến nhiều lần trong các quy định khác. Hiến pháp năm 1992 của Việt Nam không những bảo đảm tạo điều

kiện người phụ nữ làm tròn bổn phận người mẹ, cấm phân biệt đối xử giữa các con mà còn xác định trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc bà mẹ và trẻ em của Nhà nước, xã hội, gia đình và công dân. Việc thực hiện chương trình dân số và kế hoạch hoá gia đình là nghĩa vụ pháp lí của mọi công dân bao gồm cả người chồng và vợ (Điều 40). Hiểu đúng tinh thần quy định này sẽ xoá bỏ quan niệm lạc hậu, bất bình đẳng tồn tại từ trước tới nay về nghĩa vụ phải sinh con trai của phụ nữ và trách nhiệm kế hoạch hoá gia đình chi thuộc về phụ nữ.

Tóm lại, quy định của Hiến pháp năm 1992 hoàn toàn phù hợp với tinh thần của CEDAW. Việc thừa nhận bình đẳng nam nữ là nguyên tắc hiến pháp, quyền cơ bản của công dân và không ngừng được mở rộng theo quan điểm tôn trọng phụ nữ thể hiện bản chất tốt đẹp của nền dân chủ, tính nhân văn của pháp luật Việt Nam đồng thời thể hiện quyết tâm của Nhà nước Việt Nam trong việc thực hiện những cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia kí kết.

### **3. Bảo đảm việc thực hiện bình đẳng nam nữ**

Ở Việt Nam, Nhà nước không chỉ thừa nhận về mặt pháp lí quyền bình đẳng nam nữ mà còn quy định những biện pháp bảo đảm thực hiện. Những biện pháp đó bao gồm:

#### *a. Bảo đảm về tổ chức*

Hội liên hiệp phụ nữ là một tổ chức tiêu biểu đại diện cho tiếng nói và bảo vệ quyền lợi của phụ nữ Việt Nam. Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam được thành lập từ trung ương



ngĩa Việt Nam và 25 năm kể từ ngày Việt Nam tham gia CEDAW, với sự nỗ lực từ phía Nhà nước và nhận thức đầy đủ trách nhiệm công dân, ý thức chấp hành pháp luật mỗi công dân không ngừng nâng cao. Tình hình vi phạm những quy định pháp luật về bình đẳng nam nữ, các vụ án nghiêm trọng về phân biệt đối xử với phụ nữ có xu hướng giảm, không một cá nhân, tổ chức nào dám công khai tiến hành hoạt động có tính chất phân biệt đối xử với phụ nữ. Thành tựu đó là kết quả quá trình phấn đấu liên tục từ phía Nhà nước, cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và công dân trong việc thực hiện CEDAW, biến cam kết thành nhiệm vụ của Nhà nước, của chính quyền các cấp trong việc bảo đảm để phụ nữ có cơ hội và điều kiện thực hiện quyền của mình.

Tóm lại, luật pháp về bảo vệ bình đẳng nam nữ, chống phân biệt đối xử với phụ nữ ở Việt Nam ngày càng phát triển và hoàn thiện. Cơ chế bảo vệ bình đẳng nam nữ ngày càng phù hợp và từng bước phát huy hiệu quả trên thực tế. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện pháp luật trong những năm qua còn nhiều tồn tại. Tình trạng phân biệt đối xử với phụ nữ mại dâm, phụ nữ phạm tội hoặc phụ nữ là nạn nhân của các hành vi bạo lực trong gia đình, có xu hướng tăng, trong khi đó các biện pháp cưỡng chế hình sự, hành chính còn chưa nghiêm khắc nên chưa đủ để răn đe, ngăn chặn. Dư luận xã hội chưa kịp thời, chưa đủ mạnh nhiều khi còn có tư tưởng né tránh, ngại va chạm, tâm lí e ngại từ phía người bị hại... đã gây trở

ngại không nhỏ cho công tác đấu tranh chống phân biệt đối xử và bạo lực với phụ nữ. Do vậy, để thực hiện có hiệu quả CEDAW cũng như những quy định pháp luật Việt Nam về bình đẳng nam nữ, theo chúng tôi cần đẩy mạnh những biện pháp sau:

- Nâng cao trình độ văn hoá, nhận thức và ý thức của người phụ nữ về bình đẳng giới bởi lẽ bình đẳng chỉ có thể thực hiện trên thực tế khi chính người phụ nữ tự khẳng định chỗ đứng, vị trí của mình trong xã hội, gia đình, nơi công sở. Nhà nước cần tăng những biện pháp cụ thể tạo điều kiện cho phụ nữ học tập nâng cao trình độ nhận thức, kiến thức để tự khẳng định vị trí của mình trong xã hội;

- Công tác tuyên truyền, giáo dục về bình đẳng giới cần đi vào chiều sâu, có hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức mỗi thành viên trong xã hội mà trước hết là cán bộ lãnh đạo, thủ trưởng cơ quan về bình đẳng giới;

- Công tác giám sát việc thực hiện những quy định pháp luật về bình đẳng giới cần được đẩy mạnh hơn nữa nhằm phát hiện kịp thời và xử lí nghiêm minh những cơ quan, tổ chức, cá nhân không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hoặc có hành vi phân biệt đối xử, xúc phạm nhân phẩm, bạo lực với phụ nữ. Kết quả xử lí phải được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông báo đến cơ quan, đơn vị có người vi phạm./.

(1).Xem: Báo cáo quốc gia lần thứ 2 về tình hình thực hiện CEDAW, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội 1999, tr. 48.

(2).Xem: Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, tr. 440.